

Bản án số: **97/2017/HSST**,
Ngày: 23/8/2017.

Vụ án: Nguyễn Văn T và đ/p,
phạm tội: “trộm cắp tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan,

2. Ông Đặng Bích Thuận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: T), sinh ngày: 29/12/1993 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 97/1 ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; dân tộc: Kinh; tôn giáo: /; số chứng minh nhân dân: /, ngày cấp: /, nơi cấp: /; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 26/3/2017 (có mặt).

2. Bị cáo **Đặng Việt T** (tên gọi khác: Đinh Phi T), sinh năm: 1983 tại Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 132 ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; dân tộc: Kinh; tôn giáo: /; số chứng minh nhân dân: /, ngày cấp: /, nơi cấp: /; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Đặng Hoàng L, sinh năm 1953 và bà Lê Thị H, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

- Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/HS-ST ngày 24/7/2003 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang, xử phạt bị cáo Đặng Việt T 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 19/01/2005.

- Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 26/3/2017 (có mặt).

* *Người bị hại:* Anh Nguyễn Trường D, sinh năm 1992; địa chỉ: 205 NVL, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1989; địa chỉ: 84/5 LCH, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Đặng Việt T (Đình Phi T) bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2017, tại khu vực Công viên P, đối tượng tên N (chưa xác định được lai lịch) rủ Nguyễn Văn T, Đặng Việt T, đi trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả ba người đi đến trước Khách sạn S số 720 – 722 ADV, Phường C, Quận B, nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04 của anh Nguyễn Trường D dựng trước cửa khách sạn, trên xe vẫn để chìa khóa, N chỉ cho bị cáo Đặng Việt T và bị cáo Nguyễn Văn T thấy. Sau đó, N đến bật công tắc xe, quay đầu xe về hướng vòng xoay mũi tàu, rồi đi ra ngoài cùng với bị cáo Đặng Việt T đứng canh giới. Bị cáo Nguyễn Văn T đi đến lấy xe, đề máy nhưng xe không nổ máy nên bỏ đi được vài mét thì bị Đội cảnh sát điều tra Công an Quận 6 tuần tra, phát hiện bắt giữ được bị cáo Đặng Việt T, bị cáo Nguyễn Văn T đưa về Công an Phường 13, Quận 6 lập biên bản phạm tội quả tang cùng vật chứng là xe mô tô hiệu Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04. Đối tượng tên N chạy thoát.

Hai bị cáo Đặng Việt T, Nguyễn Văn T đã khai nhận cùng đối tượng tên N thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên.

Cơ quan Công an đã xác minh chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04, thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Bảo T, ngày 14/4/2017 Cơ quan điều tra đã lập biên bản trả lại cho chị T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 472/TCKH ngày 31/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6, kết luận: chiếc xe Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04, trị giá 24.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố hai bị cáo Nguyễn Văn T và Đặng Việt T, về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; riêng bị cáo Nguyễn Văn T khai: khi lén lút tiếp cận xe mô tô, N đã đến bật công tắc xe, không quay đầu xe hướng ra đường, rồi bị cáo Nguyễn Văn T đến bóp thắng tay bên trái, đá chống ngang rồi đề máy nhưng xe không nổ, bị cáo không quay đầu xe hướng ra đường.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h,

p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù, xử phạt bị cáo Đặng Việt T mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; vật chứng đã giải quyết xong; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì hai bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử xét:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Việt T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của hai bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: do cần tiền để tiêu xài nên hai bị cáo đã cùng đối tượng tên N (chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Trường D, bị cáo Nguyễn Văn T là người thực hành, là người trực tiếp trộm cắp tài sản của anh D là chiếc xe Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04, bị cáo Đặng Việt T thực hiện với vai trò người giúp sức, đứng canh giới cho đối tượng N và bị cáo Đặng Việt T, như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Hai bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của hai bị cáo thực hiện, nhưng do bản chất không chịu lao động lương thiện, mong muốn sống bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện ý thức xem thường pháp luật về hình sự.

Việc hai bị cáo cùng đối tượng tên N bằng thủ đoạn lén lút, bí mật tiếp cận và chiếm đoạt tài sản của anh D là chiếc xe Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04, trị giá 24.000.000 đồng, rồi bán lấy tiền tiêu xài, việc chưa chiếm đoạt trót lọt tài sản của người bị hại là ngoài ý muốn của hai bị cáo.

Tại phiên tòa, hai bị cáo khai nhận, nếu bị cáo Nguyễn Văn T nổ máy xe được sẽ chở N và bị cáo Đặng Việt T cùng tẩu thoát, mang tài sản chiếm đoạt được đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài; lời khai của hai bị cáo thống nhất nhau, phù hợp lời khai của người bị hại

anh Nguyễn Trường D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bảo T, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả định giá tài sản, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của hai bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Việt T phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: hai bị cáo khai nhận đã cùng đối tượng tên N cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; vai trò của từng bị cáo như sau: đối tượng tên Nam mở khóa xe, quay đầu xe để bị cáo Nguyễn Văn T nổ máy tẩu thoát; bị cáo Đặng Việt T tham gia với vai trò cảnh giới để đối tượng tên N, bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện tội phạm; đối tượng tên N đang được Cơ quan điều tra truy xét, giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt có giá trị 24.000.000 đồng, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, định khung quy định tại khoản 1 Điều 138, Điều 20 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: trường hợp phạm tội của hai bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đặng Việt T, đã có án tích 02 năm tù, về tội “trộm cắp tài sản”, không xác định là tiền án, tiền sự, đã được Nhà nước cải tạo, giáo dục nhưng lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này là thuộc trường hợp có nhân thân xấu, nên cần thiết xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: việc chưa chiếm đoạt trót lọt tài sản của người bị hại là chiếc xe Honda Air Blake biển số 59K1 – 257.04, trị giá 24.000.000 đồng, là ngoài ý muốn của hai bị cáo, hành vi phạm tội của hai bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, theo quy định tại Điều 18 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì trong vụ án này, bị cáo Đặng Việt T đã có án tích 02 năm tù, về tội “trộm cắp tài sản”.

Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, quy định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét hai bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Về lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa: khi bị cáo và N lên lút tiếp cận xe mô tô, N đã đến bật công tắc xe, không quay đầu xe hướng ra đường, rồi bị cáo Nguyễn Văn T đến bóp thắng tay bên trái, đá chống ngang rồi đề máy nhưng xe không nổ, bị cáo không quay đầu xe hướng ra đường. Hội đồng xét xử xét, căn cứ Biên bản người phạm tội quả tang ngày 26/3/2017, biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2017 tại Công an Phường 13,

Quận 6, và lời khai của bị cáo Đặng Việt T xác nhận tại phiên tòa, hai bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Việt T đều khai nhận thống nhất: N là người bật công tắc xe, quay đầu xe hướng ra đường, sau đó bị cáo Nguyễn Văn T đến bóp thắng tay bên trái, đá chống ngang rồi đè máy nhưng xe không nổ, bị cáo đã đá chống xe xuống, quay đầu xe trở lại rồi bỏ đi. Với những tài liệu, chứng cứ này, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị cáo Nguyễn Văn T. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, việc bị cáo có quay đầu xe hay không, thì cũng không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Tre.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản ngày 14/4/2017, trả lại cho chị Nguyễn Thị Bảo T chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blake biên số 59K1 – 257.04, chị Trần và anh Nguyễn Trường D không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Hai bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T) và bị cáo Đặng Việt T (tên gọi khác: Đinh Phi T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138, khoản 3 Điều 8, Điều 18, Điều 20, Điều 33, điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: T)_01 (một) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Đặng Việt T** (tên gọi khác: Đinh Phi T) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng tiểu mục I.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Đặng Việt T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Đặng Việt T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Công an Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (để thi hành);
- Trại tạm giam Công an Quận 6;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nam Hải